

THÔNG TƯ

Quy định về hồ sơ, nội dung và quy trình, thủ tục thẩm định cơ sở khoa học của chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thẩm định công nghệ của dự án đầu tư

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định Công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định về hồ sơ, nội dung và quy trình, thủ tục thẩm định cơ sở khoa học của chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thẩm định công nghệ của dự án đầu tư.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định về hồ sơ, nội dung và quy trình, thủ tục thẩm định cơ sở khoa học của chương trình phát triển kinh tế - xã hội (sau đây gọi tắt là thẩm định cơ sở khoa học); thẩm định công nghệ của dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư, dự án thuộc diện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mà không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư hoặc dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư, quyết

định đầu tư của cấp có thẩm quyền theo quy định pháp luật về đầu tư công và xây dựng (sau đây gọi tắt là thẩm định công nghệ).

2. Đối tượng áp dụng:

Thông tư này áp dụng cho cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, thẩm định chương trình phát triển kinh tế - xã hội và dự án đầu tư.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chương trình phát triển kinh tế - xã hội* (sau đây gọi tắt là chương trình phát triển) là một tập hợp các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đồng bộ về kinh tế, xã hội, khoa học, công nghệ, môi trường, cơ chế, chính sách, pháp luật, tổ chức để thực hiện một hoặc một số mục tiêu đã được xác định trong chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, vùng, lãnh thổ, địa phương và quy hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực trong một thời gian nhất định.

2. *Cơ quan chủ trì thẩm định dự án đầu tư* là cơ quan nhà nước có thẩm quyền chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp lấy ý kiến thẩm định của các Bộ, ngành và địa phương liên quan để cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật.

3. *Cơ quan chủ trì thẩm định chương trình phát triển* là cơ quan nhà nước có thẩm quyền chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp lấy ý kiến thẩm định của các Bộ, ngành và địa phương liên quan để trình Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình phát triển.

Điều 3. Cơ quan thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định công nghệ

1. Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ đề nghị thẩm định và thực hiện thẩm định cơ sở khoa học của chương trình phát triển thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ; thẩm định công nghệ của các dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền sau: Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Thủ trưởng các Bộ, cơ quan trung ương.

2. Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp nhận hồ sơ đề nghị thẩm định và thực hiện thẩm định cơ sở khoa học của chương trình phát triển của địa phương không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này; thẩm định công nghệ của các dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền của địa phương hoặc dự án thuộc diện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của địa phương mà không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.

Điều 4. Kinh phí phục vụ công tác thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định công nghệ

Cơ quan thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định công nghệ sử dụng nguồn ngân sách nhà nước để chi cho các nhiệm vụ thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định công nghệ theo quy định hiện hành.

Chương II
HỒ SƠ, NỘI DUNG VÀ QUY TRÌNH, THỦ TỤC
THẨM ĐỊNH CƠ SỞ KHOA HỌC

Điều 5. Hồ sơ thẩm định cơ sở khoa học

Hồ sơ thẩm định cơ sở khoa học bao gồm:

1. Văn bản đề nghị của Cơ quan chủ trì thẩm định chương trình phát triển.
2. Tài liệu thuộc hồ sơ trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt chương trình phát triển theo quy định của pháp luật về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.
3. Báo cáo kết quả nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng chương trình phát triển.
4. Biên bản đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu (nếu có).
5. Danh mục các dự án đầu tư thuộc chương trình phát triển (nếu có).

Điều 6. Nội dung thẩm định cơ sở khoa học

1. Luận chứng về sự cần thiết của chương trình phát triển.
2. Phân tích điều kiện phát triển và thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (về vị trí địa lý, đặc điểm địa hình, khí hậu thủy văn, tình hình kinh tế, tình hình xã hội, ...); đánh giá việc thực hiện chương trình phát triển của giai đoạn trước đó (nếu có); luận giải về lợi thế so sánh, khó khăn, hạn chế; kinh nghiệm quốc tế (nếu có).
3. Cơ sở pháp lý, luận cứ khoa học, độ tin cậy của các thông tin, số liệu, tư liệu sử dụng để lập, xây dựng chương trình phát triển.
4. Quan điểm và mục tiêu phát triển của chương trình phát triển.
5. Đánh giá tác động của chương trình phát triển đến phát triển bền vững, phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, địa phương, vùng lãnh thổ và đất nước.
6. Xem xét sự phù hợp và tính đồng bộ của chương trình phát triển đối với các chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, vùng, lãnh thổ; quy hoạch ngành, lĩnh vực và các quy hoạch khác có liên quan đã được phê duyệt.
7. Xem xét các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu của chương trình phát triển; phương án, giải pháp để thực hiện chương trình phát triển.
8. Xem xét các giải pháp khoa học và công nghệ, nguồn lực thực hiện; tính khả thi và các biện pháp quản lý thực hiện chương trình phát triển; luận cứ danh mục các dự án đầu tư thành phần, ưu tiên (nếu có).
9. Những vấn đề khác có liên quan (nếu có).

Phiếu thẩm định cơ sở khoa học được lập theo Mẫu 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Nội dung văn bản thẩm định theo Mẫu 3 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Quy trình, thủ tục thẩm định cơ sở khoa học

1. Cơ quan chủ trì thẩm định chương trình phát triển gửi 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 5 Thông tư này đến Cơ quan thẩm định cơ sở khoa học theo quy định tại Điều 3 Thông tư này.

2. Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định, Cơ quan thẩm định cơ sở khoa học gửi văn bản thẩm định đến Cơ quan chủ trì thẩm định chương trình phát triển.

3. Trong trường hợp chương trình phát triển có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành và có phạm vi ảnh hưởng rộng, Cơ quan thẩm định cơ sở khoa học quyết định việc lấy ý kiến chuyên gia hoặc của tổ chức tư vấn độc lập hoặc lập hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ để xem xét:

a) Đối với trường hợp lấy ý kiến của chuyên gia, tổ chức tư vấn độc lập, Cơ quan thẩm định cơ sở khoa học gửi hồ sơ đến chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập để lấy ý kiến. Chuyên gia, tổ chức tư vấn độc lập phải là tổ chức, cá nhân có đủ năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn cần tư vấn. Ý kiến của chuyên gia, tổ chức tư vấn độc lập là cơ sở giúp Cơ quan thẩm định cơ sở khoa học có ý kiến thẩm định về chương trình phát triển.

Phiếu đánh giá của chuyên gia, tổ chức tư vấn độc lập thực hiện theo Mẫu 5 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Đối với trường hợp lấy ý kiến hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, thời gian thẩm định được kéo dài hơn nhưng không quá 30 ngày làm việc và Cơ quan thẩm định cơ sở khoa học phải thông báo trước cho Cơ quan chủ trì thẩm định chương trình phát triển. Thủ trưởng Cơ quan thẩm định cơ sở khoa học ra quyết định thành lập hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ. Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ được thành lập, làm việc theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.

Phiếu đánh giá của thành viên hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ và Biên bản hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ thực hiện theo Mẫu 7 và Mẫu 8 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Việc lựa chọn hình thức thẩm định quy định tại Điều này sẽ do Thủ trưởng Cơ quan thẩm định cơ sở khoa học quyết định.

Chương III HỒ SƠ, NỘI DUNG VÀ QUY TRÌNH, THỦ TỤC THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ

Điều 8. Hồ sơ thẩm định công nghệ

Hồ sơ thẩm định công nghệ bao gồm:

1. Văn bản đề nghị của Cơ quan chủ trì thẩm định dự án đầu tư.

2. Hồ sơ dự án đầu tư theo quy định của pháp luật. Trong hồ sơ dự án đầu tư, tại nội dung về khoa học và công nghệ cần nêu rõ: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ, phân tích và lựa chọn phương án công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây